TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **84**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 11 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Điều 211, 213, 363, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Quang H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: I, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà **Lê Thị Diễm T**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T đăng ký kết hôn năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông H và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung là Phạm Phúc K, sinh ngày 08/6/2021. Sau ly hôn, các bên thỏa thuận giao con chung cho bà Lê Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Sự thỏa thuận này của ông H và bà T là phù hợp với quy định tại Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T thống nhất khai không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: Ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T tự nguyện liên đới chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149

của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và giữa sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung là Phạm Phúc K, sinh ngày 08/6/2021. Sau ly hôn, giao con chung cho bà Lê Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng: Tính từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (tháng 4/2025) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng một lần.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T thống nhất khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Quang H và bà Lê Thị Diễm T tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0008008 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP. Bến Tre (1b);
- UBND xã Bình Phú (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

THẨM PHÁN

đã ký

Võ Thị Cẩm Trang